TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 32**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08/5/2019
V/v tranh chấp:" *Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Ngọc Hân
2. Ông Phạm Ngọc Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 836/2018/TLST–HNGĐ ngày 11/12/2018, về việc tranh chấp: "*Ly hôn*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1979**

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn Đ, sinh năm 1977**

Địa chỉ: khóm H2 (nay là khóm H3), phường H, thành phố X, tỉnh G (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Chị và anh Võ Văn Đ do mai mối và đi đến kết hôn năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố X, tỉnh G cấp ngày 30/6/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, việc làm, tiền bạc trong gia đình dẫn đến giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau và tin tưởng nên gia đình luôn bất hòa. Từ tháng 11/2003, anh Đ về nhà cha mẹ sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay hơn 15 năm. Hai bên

không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T yêu cầu tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn Đ

+ Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Võ Thành T, sinh ngày 12/3/2000. Hiện con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 12/3/2019 với nội dung yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị vì phải đi làm ăn xa ở thành phố M, điều kiện đi lại khó khăn.

- Phần trình bày của bị đơn anh Võ Văn Đ: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Võ Văn Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T với anh Võ Văn Đ, về quan hệ con chung cháu Võ Thành T, sinh ngày 12/3/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa vào ngày 12/3/2019, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị T là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Anh Võ Văn Đ mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện xin ly hôn với anh Võ Văn Đ đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 12/3/2019, chị Nguyễn Thị Thùy T có ý kiến trình bày vào năm 1999, chị T và anh Đ do mai mối và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố X, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/99, cấp ngày 30/6/1999. Theo chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, việc làm, tiền bạc trong gia đình dẫn đến giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau và tin tưởng nên gia đình luôn bất hòa. Từ tháng 11/2003, anh Đ về nhà cha mẹ sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay hơn 15 năm. Hai bên không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Đ được tống đạt các văn bản nhưng anh Đ không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị T xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị T không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh Đ, còn anh Đ không có ý kiến trình bày, hôn nhân giữa chị T với anh Đ không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2003 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Võ Văn Đ.

[4] *Về con chung:* Nguyên đơn chị T trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa chị T và anh Võ Văn Đ chung sống với nhau có 01 con chung tên Võ Thành T, sinh ngày 12/3/2000. Hiện con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Trang trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh Đạt vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 232; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với anh Võ Văn Đ

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T đối với anh Võ Văn Đ.

2. *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung cháu Võ Thành T, sinh ngày 12/3/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

4.1. Chị Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010706 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 11/12/2018. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh Võ Văn Đ không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thùy Trang, anh Võ Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND xã phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy